TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2024
V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: Anh Lê Khắc T - sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã Q, huyện Ư, thành phố Hà Nội

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị C – sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã Q, huyện Ư, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa anh Lê Khắc T là nguyên đơn trình bày: anh và chị Nguyễn Thị C qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q Cầu năm 1993. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung; cái tôi của mỗi người quá lớn nên không thể hòa hợp được với nhau. Vì vợ chồng mâu thuẫn nên anh và chị C1 đã ly thân từ năm 2009 đến nay, không

ai quan tâm đến ai và cũng không có trách nhiệm với nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh đề nghị Toà giải quyết cho anh được ly hôn chị C. Về con chung: có 02 con là Lê Thị V – sinh ngày 17/10/1994 và Lê Khắc Tú A – sinh ngày 09/02/1999; hiện hai con đã thành niên nên anh không đề nghị Toà giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: chị và anh Lê Khắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q Cầu. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng làm lao động tự do, mặc dù cuộc sống khó khan nhưng bảo ban nhau làm ăn. Đến năm 2009, thì anh T1 bảo đi làm ăn nhưng từ đó anh không hề có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm vợ con; mỗi năm anh chỉ về quê một hoặc hai lần. Nhiều lần anh T1 bảo vợ chồng ly hôn, nhưng thương các con nhỏ nên chị không đồng ý. Có thông tin anh T đã có người khác nhưng chị không biết và cũng không quan tâm, nay anh T cố tính làm đơn ly hôn, quan điểm là chị đồng ý ly hôn nhưng chị sẽ không ký bất kể giấy tờ gì và cũng không xuống Toà để anh T tự giải quyết ly hôn một mình. Về con chung: có 02 con chung như anh T trình bày, các con đã thành niên nên chị không đề nghị Toà giải quyết. Về tài sản, công nợ: . Quá trình chung sống hạnh phúc và mấy năm gần đây vợ chồng mâu thuẫn do anh ham chơi, không lo kinh tế cho gia đình nên anh T có đơn ly hôn, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn, không muốn ly hôn. Về con chung: có 03 con là Nguyễn Duyên T2 – sinh ngày 20/8/2007, Nguyễn Bảo N – sinh ngày 13/10/2013 và Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 02/6/2017; nếu ly hôn anh tôn trọng ý kiến của các con. Về tài sản, công nợ chung: sau khi kết hôn, bố mẹ chồng cho anh chị thửa đất để xây nhà, chỉ cho bằng miệng; sau khi anh T bỏ nhà đi, chị phải vay mượn tiền để xây nhà; vì vậy, chị và anh T không có tài sản chung và công nợ chung gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt; các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác và không ai có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho anh Lê Khắc T được ly hôn chị Nguyễn Thị C. Về con chung có 02 con: có 02 con là Lê Thị V – sinh ngày 17/10/1994 và Lê Khắc Tú A – sinh ngày 09/02/1999; đều đã thành niên nên không giải quyết. Anh T phải nộp án phí theo

quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, H1 đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Anh Lê Khắc T có đơn xin đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị C. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là chị Nguyễn Thị C có đăng ký nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 19/7/2024 nhưng vắng mặt của chị C nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai chị C vắng mặt không có lý do chính đáng; anh T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.2] Về chứng cứ: Toà đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp đối với đương sự vắng mặt. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp, Toà thu thập; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ; các đương sự không nộp tài liệu chứng cứ nào khác. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Khắc T và chị Nguyễn Thị C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Q, huyện Ứ, TP . ngày 19/11/1993 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của hai anh chị thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; vợ chồng ly thân nhiều năm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng anh T và chị C mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân gần 15 năm; hai bên gia đình đã khuyên hai anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh T có đơn ly

hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: cuộc sống hôn nhân của anh T và chị C mâu thuẫn đến mức trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài gần 15 năm; chị C cũng có quan điểm đồng ý ly hôn nhưng không ký giấy tờ, không đến Toà làm việc. Xét thấy, mục đích hôn nhân của hai anh chị không đạt nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh Lê Khắc T và chị Nguyễn Thị C đều xác nhận có 02 con là Lê Thị V – sinh ngày 17/10/1994 và Lê Khắc Tú A – sinh ngày 09/02/1999. Anh T và chị C đều xác nhận các con đã thành niên nên không đề nghị Toà giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh Lê Khắc T không đề nghị Toà giải quyết; chị Nguyễn Thị C có trình bày sau khi vợ chồng kết hôn, bố mẹ anh T có cho vợ chồng thửa đất và chỉ cho bằng miệng; sau khi anh T bỏ đi làm ăn năm 2009, chị phải tự vay tiền xây nhà và nuôi các con và trả nợ; vì vậy, chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung. Chị C không có đơn và cũng không có quan điểm đề nghị Toà giải quyết hay không giải quyết tài sản, công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết mà giành quyền khởi kiện về tài sản, công nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T và chị C nếu có phát sinh tranh chấp bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Lê Khắc T phải nộp án phí ly hôn. Các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Khắc T được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Anh Lê Khắc T và chị Nguyễn Thị C đều xác nhận có 02 con là Lê Thị V – sinh ngày 17/10/1994 và Lê Khắc Tú A – sinh ngày 09/02/1999. Cháu V và cháu Tú A đã thành niên; anh T và chị C không đề nghị Toà giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: anh Lê Khắc T và chị Nguyễn Thị C đều không đề nghị Toà giải quyết. Giành quyền khởi kiện về tài sản, công nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T và chị C nếu có phát sinh tranh chấp bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Lê Khắc T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0011713 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, TP ..

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Bích Hằng